

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

Số: 16/2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 22 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 21
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27

tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai dự thảo Nghị quyết Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 169/BC-BVHXXH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên; trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề và giáo dục thường xuyên tỉnh; trường Cao đẳng Lào Cai (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập);

b) Người học trong các cơ sở giáo dục công lập quy định tại điểm a khoản này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập

1. Danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo: Quy định chi tiết tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Cơ chế quản lý thu chi:

a) Các cơ sở giáo dục công lập xác định khoản thu và mức thu đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, chỉ thực hiện khi đã thống nhất với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không vượt quá mức thu tối đa quy định tại Nghị quyết này. Không áp dụng thu để thuê khoán cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh trong các cơ sở giáo dục công lập đã được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ và của tỉnh Lào Cai. Đối với học sinh trong các cơ sở giáo dục công lập đã được hỗ trợ tiền ăn theo quy định của Chính phủ và của tỉnh Lào Cai chỉ thu phần chênh lệch giữa mức tiền được hỗ trợ và mức thu đã thống nhất với cha mẹ học sinh nhưng không vượt quá mức thu tối đa quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này;

b) Thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đảm bảo mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai, dân chủ, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả;

c) Cơ sở giáo dục có trách nhiệm hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định (nếu có);

d) Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường tính theo tháng (theo thực tế thời gian học sinh đến trường);

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai phê duyệt các khoản thu, mức thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai phê duyệt các khoản thu, mức thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với Trường Cao đẳng Lào Cai.

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Cường

Phụ lục
QUY ĐỊNH CHI TIẾT DANH MỤC CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU DỊCH VỤ
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa (ngàn đồng)					
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Giáo dục Thường xuyên	Giáo dục nghề nghiệp
1	Dịch vụ phục vụ bán trú							
a	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường (bao gồm cả tiền thực phẩm, tiền điện, nước và chất đốt)	Học sinh/ngày	25	25	25	30	30	Không
b	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường.	Học sinh/tháng	100	100	100	100	100	Không
c	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú ăn, ở tại trường (<i>không thuộc đối tượng ngân sách nhà nước hỗ trợ</i>)	Học sinh/tháng	Không	110	110	110	110	Không
				Đối với cơ sở giáo dục có dưới 30 học sinh ăn, ở bán trú được thu tối đa 120 ngàn đồng/tháng/học sinh				
2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6	6	6	6	Không	Không
3	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7	7	7	7	7	Không
4	Dịch vụ đưa đón học sinh	Học sinh/tháng	700	700	700	700	Không	Không
5	Dịch vụ hỗ trợ phục vụ học sinh ở ký túc xá	Người/tháng	Không	Không	Không	Không	Không	120
6	Dịch vụ hỗ trợ trông xe đạp, xe đạp điện							
a	Xe đạp, xe đạp điện theo tháng	Tháng/học sinh	Không	35	35	35	35	35

b	Trông xe đạp, xe đạp điện ban ngày	Xe/lần	Không	Không	Không	Không	Không	1
c	Trông xe đạp, xe đạp điện ban đêm	Xe/đêm	Không	Không	Không	Không	Không	2
7	Dịch vụ hỗ trợ trông xe máy, xe máy điện							
a	Xe máy, xe máy điện theo tháng	Tháng/ học sinh	Không	Không	Không	70	70	70
b	Xe máy, xe máy điện ban ngày	Xe/lần	Không	Không	Không	Không	Không	2
c	Xe máy, xe máy điện ban đêm	Xe/đêm	Không	Không	Không	Không	Không	4
